



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 35, Tháng 11-12, 1997

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481-0217



Đọc trong số này

- Cha Mẹ là Tám Gương Cho Con Cái
- Lời Cảnh Tỉnh
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
- Chứng Đạo Ca
- Thông Báo
- A-Di-Đà Kinh Thiển Thích
- Phương Pháp Tu Tập Để Tâm Ý Được Nhu Hòa Nhân Nại
- Năm Lá Thơ của Diêm Vương
- Cẩm Nang Tu Đạo
- Vấn Đáp
- HT Hư Vân họa truyện

Phát Hành

*Dharma Realm Buddhist Assn.
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803
Tel./ Fax. (562) 438-8902
E-mail: BoDeHai@aol.com
www.saigon.com/~fopusa/*

Cha Mẹ Là Tám Gương Cho Con Cái Parents Are Role-Models for Their Children

*Ven. Master Hua's Talk on August 7, 1993
at the International Translation Institute*

HT Tuyên Hóa

Thế giới tốt hay xấu là do gia đình mà ra. Gia đình giáo dục có nề nếp thì tương lai con cái sẽ xán lạn; còn gia đình không có nề nếp giáo dục thì tương lai con cái sẽ đen tối. Tuy không thể luận chi tiết nhưng đại khái thì thật trạng không sai lệch bao nhiêu; do vậy, kẻ làm cha mẹ phải cẩn thận trong mọi hành động, mọi việc làm, không thể tùy tiện muốn làm gì cũng được.

Nếu cha mẹ chẳng tự kiểm nghiệm hành vi hư xấu của mình thì rất dễ ảnh hưởng khiến con cái hư hỏng. Khi con cái thiếu giáo dục, tương lai chúng sẽ trở thành những phần tử xấu của xã hội, của quốc gia. Vì thế, cha mẹ phải chịu trách nhiệm về giáo dục bằng cách “dĩ thân tác tắc,” tự làm gương cho con cái. Mỗi một hành động đều phải hết sức đứng đắn, sáng suốt; phải quên mình vì người và phải có lòng quan hoài kẻ khác. Con cái thấy tám gương tốt như vậy thì tự nhiên noi theo để trở thành những công dân ưu tú, rồi tương

The key to the welfare of our world lies within the family. If a child receives a good education at home, then his future will be bright. In contrast the future is dim for the one who does not receive a good education at home. Barring a few exceptions, this holds true in general. Therefore as a parent, one has to carefully watch one's own speech and behavior. Any misconduct from their part may influence the children for the worse. A child who does not receive a good education at home will certainly grow up to be a bad element of society and a burden to the country. Parents should bear the responsibility to educate their children well; they should carry themselves as their children's role models. Whatever they do should be righteous and proper, not shameful in anyway. They should sacrifice themselves for the sake of others, and maintain an attitude of caring and compassion. As their children are infused with this, they will naturally become fine citizens who will be the fabric of a peaceful society, and become pillars for the country.

In today's society, there are many

lai góp sức an định xã hội, điều khiển đất nước.

Đời nay, những kẻ thiếu hiểu biết đã làm những việc thật đáng phải kinh ngạc. Họ dụ dỗ những thanh niên nhẹ dạ vào đường sa đọa mà những thanh niên ấy chẳng hề hay biết, còn tự cho là mình làm chuyện đúng đắn. Nên có câu:

*Nhất thất tức thành thiên cổ hận,
Tái hồi đầu dĩ bách niên thân.*

Dịch là:

*Một bước sai đường, ngàn thu ôm hận,
Hối lỗi quay về, trăm tuổi đã qua!*

Phong khí xã hội như vậy thật là xấu xa đến cực điểm. Nếu cha mẹ mà ty tiện, hạ lưu, thì con cái cũng thành hạ lưu, ty tiện. Phàm là kẻ tu Đạo, học Phật, mình không nên đua với kẻ xấu. Phải giữ thân thanh bạch, noi theo tác phong bậc chính nhân quân tử, hầu cải biến trào lưu xã hội đương thời. Các bạn nên biết an phận thủ thường, không tham gia vào những tổ chức bất lương, cũng không tán thành những chuyện hưởng thụ dục lạc không chính đáng. Như vậy mới gieo ảnh hưởng tốt, khiến kẻ khác cải tà quy chánh.

senseless individuals whose actions are truly shocking and offensive. They allure young people to the path of vice. However, the latter ones, who are naïve and gullible, believe in them, commit offenses, and fall into a burning pit without being aware of it. Still, these individuals casually think that what they do is simple fun. This is reminiscent of the saying: "one false step has brought endless regrets, resolve to turn back but life has passed one by." Our society is in such a terrible shape, and if parents are vile and low class, the children will be influenced to follow suit.

The people who live at the Sagely City of Ten Thousand Buddhas must not go along with the crowd. All residents must adhere to propriety and have self-respect. You should learn the style of a superior and proper person, and rectify the customs of society. You must live responsible and restrained lives, and not participate in unsuitable gatherings or delight in improper entertainment. In that way you can influence others to change from being deviant and return to what is proper.



Thông Báo (tt)

Bồ Đề Hải đã có trên hệ thống internet. Quý đạo hữu có thể xem tại địa chỉ sau:

<http://www.saigon.com/~fopusa/>

Hiện tại Ban Phiên Dịch Việt Ngữ đã xuất bản:

- Khai Thị 1 & 2 *Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Hoa Sen Ngày Xuân *Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Bảng Khai Thị 1 (6 cuốn)
- Cẩm Nang Tu Đạo *Hòa Thượng Quảng Khâm*

Sắp xuất bản:

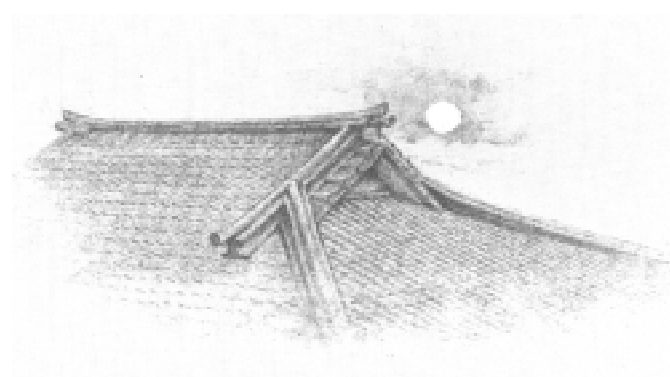
- Khai Thị 3 *Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Kinh Kim Cang *Hòa Thượng Tuyên Hóa*

Và Bồ Đề Hải xuất bản 2 tháng một lần. Nếu quý vị phát tâm ủng hộ tịnh tài để in & gởi hầu phổ biến Bồ Đề Hải đến khắp quý Phật tử hoặc muốn thỉnh hay ấn tống những băng sách trên, xin liên lạc về Tu Viện Long Beach, chi phiếu xin đề DRBA/ Bồ Đề Hải Newsletter.

Announcement

Since The General Explanation of The Buddha Speaks of Amitabha Buddha by Venerable Master Hua, The General Explanation of The Vajra Prajna Paramita Sutra by Venerable Master Hua, and A Brief Introduction to Buddhism have been published by the Buddhist Text Translation Society (BTTS), and due to the limitation of space in the Newsletter, the hard copy of Bo De Hai will no longer publish the above texts. Interested readers can find them on the internet at www.saigon.com/~fopusa/ or may procure them at the City of Ten Thousand Buddhas and at its branch temples.

Lectures in English on Introduction to Buddhism are offered every Wednesday evening from 7:00 to 9:00 at Long Beach Sagely Monastery. For more information, please call (562) 438-8902.



Lời Cảnh Tỉnh

Sư Cô Chứng Nghiêm

Sư Cô Chứng Nghiêm quê quán ở tỉnh Đài Trung, Đài Loan. Năm 23 tuổi cô xuất gia, sống đời thanh đạm tu hành. Vào thời ấy vì hoàn cảnh khó khăn, cô đã phải làm nhang, đèn cầy, đậu hủ, bán để giúp chùa và duy trì sinh hoạt cá nhân. Thấy sự khổ sở của đồng bào, cô đã phát đại nguyện hành đạo Bồ Tát để cứu tế chúng sinh. Với đại nguyện và tinh thần vì người quên mình, nhiều nhân duyên bất khả tư nghì đã cảm ứng, để đến năm 1966, cô thành lập Từ Tế Công Đức Hội. Thế rồi trải qua hơn ba mươi năm cần khổ phục vụ, hội đã giúp không biết bao nhiêu người nghèo khổ bệnh tật và vì vậy hội đã trở thành một trong những tổ chức từ thiện cung ứng nhu cầu về y tế, phục vụ, giáo dục, văn hóa tích cực nhất ở Đài Loan. Những lời khuyên sau đây là lời cô bản thân kinh nghiệm, nói lại cho quý vị tại gia cư sĩ, để đối diện với hoàn cảnh thực tế mỗi ngày.

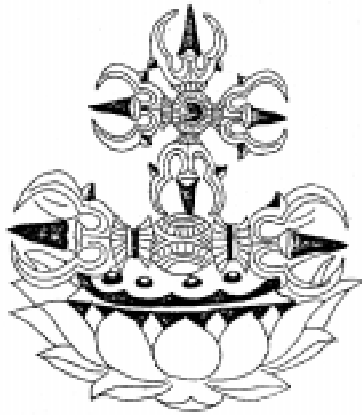
- “ Danh lợi ở đời cũng hết như xiềng xích, cột trói thân tâm ta. Ai chẳng bị danh lợi buộc ràng, người ấy mới thật là tự tại.
- “ Tu hành phải khế (hợp) duyên để tu tâm, dựa vào sự việc để luyện tâm, tùy hoàn cảnh mà dưỡng tâm.
- “ Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: Bồ Tát thường niệm: ‘Ta phải vì chúng sinh ở khắp mười phương mà trụ thế trong vô lượng kiếp để thành tựu họ với một lòng chẳng nhàm mỏi, cùng ở với họ chẳng hề bỏ rơi. Như đối với một chúng sinh ta làm vậy, đối với tất cả chúng sinh ta cũng làm vậy để độ hết chúng sinh khắp cả mười phương thế giới.’ Kinh lại dạy rằng: ‘Khi Bồ Tát thay chúng sinh nhận chịu những sự khổ đau độc hại, Ngài vẫn siêng năng tu hành không bỏ chúng sinh, không trốn lánh, không sợ hãi, không kinh bố, không

thối sụt, không nhàm mỏi.’ Minh phải có nguyện lớn rằng chỉ khi chúng sinh được độ hết thì mình mới chứng quả Bồ Đề. Chớ nên tu cho mình mà thôi.

- “ Ở trên đời ở trong mọi thời mọi nơi, mọi sự việc xung quanh ta đều thuyết pháp cho mình. Pháp ấy thông thường không có âm thanh tiếng nói; song lời pháp vô thanh ấy, nhiều khi làm người nghe có ấn tượng sâu sắc hơn cả pháp thốt ra lời nữa.
- “ Chớ nên hể mở mắt nhìn là chỉ thấy lỗi lầm của kẻ khác, mà chẳng tự thấy lỗi lầm của chính mình.
- “ Trong Kinh có dạy rằng: Sắc dục là gông cùm trong cõi thế, là tai họa của cõi đời. Song kẻ phạm phu trọng sắc, cam thân làm nô lệ cho nó, suốt đời đeo đuổi vì nó mà khổ sở. Suy nghĩ cho kỹ thì thân người bản thủ, thường thải ra đồ dơ dáy, có gì đẹp để đáng nói đâu!
- “ Tình thương cần phải không ích kỷ; phải có lòng thương rộng lớn trùm phủ hư không khắp cùng pháp giới thì mới là rốt ráo được. Không nên để tình thương giống như bùn lầy: ướt át dính rít, bôi vào mặt ai thì dính rít vào đó.
- “ Có được thì phải có mất. Phạm phu thì truy cầu tài vật, song thánh nhân thì theo đuổi chân lý.
- “ Cái đẹp của ngoại vật qua mắt ta rồi thì hết. Vẻ đẹp của tâm địa thì cả đời ta khó quên.
- “ Sự nghiệp thật ra chỉ là nghiệp chướng; hể giàu sang có tiền thì sẽ có phiền não.

- “ Sự tiến bộ của xã hội là thành quả của mọi người cùng chung sức nỗ lực đóng góp. Nếu toàn thiên hạ chỉ có một mình bạn thì bạn chẳng (tạo được hoàn cảnh như bây giờ và do đó chẳng) có phước đức gì để hưởng thụ nó. Vì thế phải nên xem mình là kẻ tầm thường, chẳng thể đơn độc hưởng thụ; đối với kẻ khác phải có lòng cung kính. Phải biết tôn trọng người, cảm ơn người.
- “ Tiền tài của cải không được khéo dùng thì chúng cũng như lửa đốt thân. Con cái không được khéo dạy thì chúng sẽ thành loài cạp beo hại người.
- “ Phải có những kẻ có lòng thương, từ bi giúp đỡ chúng sinh chịu khổ nạn thì nhân sinh mới không biến thành quá tàn nhẫn.
- “ Lúc mê chấp chẳng ngộ thì phiền não theo đó hiện khởi, như mây giăng, phủ khuất. Lúc chuyển mê thành ngộ thì bồ đề theo đó lộ bày, như mây tan, trắng hiện.
- “ Cha mẹ trong nhà là Phật sống. Không hiếu thảo săn sóc cha mẹ thì không thể có phước đức đặng.
- “ Tu hành không phải là việc nói suông hý luận, mà là sự thực hành chắc thật. Luận Đại Trí Độ nói rằng: Phật pháp là thực hành; không thực hành thì chẳng đáng quý. Nếu mình có thể siêng cần tu hành thì dù có ít học vấn, mình cũng sẽ vào đạo trước tiên.
- “ Kinh Tú Thập Nhị Chương có dạy rằng: Con người tùy theo dục vọng mà truy cầu danh vọng tiếng tăm. Khi thanh danh hiển trước thì thân này cũng sẽ quá cố. Những kẻ tham danh vọng trên đời mà chẳng học đạo thật đã uổng công tốn sức. Ví như hương đốt lên, khi người ta ngửi thấy mùi thơm thì hương đã tàn lụi rồi. Ngọn lửa thiêu hương hay danh vọng hại thân thì ở đằng sau vậy.
- “ Nghịch cảnh giống như viên đá mài ngọc, có thể làm cho viên ngọc chưa chuốt biến thành sáng rực óng ánh.
- “ Bởi vì có chúng sinh khổ nạn nên mới có bồ tát cứu khổ cứu nạn. Bồ tát có mắt hiền từ nhìn chúng sinh; Ngài luôn tâm niệm rằng: "Nếu mình không đi cứu giúp chúng sinh thì ai cứu giúp họ?" Đó là tinh thần đại từ đại bi, bạt khổ ban vui của bồ tát.
- “ Bệnh của tâm thì sâu hơn bệnh của thân. Tâm có thể làm sinh bệnh mà cũng có thể làm bệnh dừng khởi.
- “ Trách nhiệm của thầy là chỉ dạy hướng dẫn. Nhưng đường đạo tu hành chắc chắn cần mình tự bước.
- “ Cái muống canh suốt ngày múc canh nhưng chẳng biết đựng mùi vị gì cả. Cũng vậy, người ngu suốt ngày phụng sự kẻ trí huệ nhưng chẳng thấy đặng chân pháp.
- “ Đừng khinh thường việc thiện nhỏ, cho rằng nó chẳng có phước báu gì. Nước chảy tuy rỉ rả từng giọt, song từ từ có thể tràn đầy cả hồ. Phước báu mà được sung mãn cũng là do tích lũy từng ly từng tý mà thành.
- “ Những ai xem việc mình hy sinh (cho kẻ khác) là một hình thức vui sướng, rồi từ đó phát sinh lòng thương xót (muốn giúp người), thì sẽ vĩnh viễn lúc nào cũng sung sướng.
- “ Đem so sánh: xuất gia thì dễ, tu hành mới khó; cạo tóc thì dễ, cạo (làm sạch) tâm mới khó.
- “ Kinh Ni Kiền Tử dạy rằng: ‘Người tham lam thích chất chứa cho nhiều, hễ được thì chẳng biết sinh lòng nhàm chán. Vô minh ngu si làm tâm họ điên đảo, thường nghĩ việc xâm phạm tổn hại kẻ khác. Hiện đời này họ gây nhiều oán ghét, đời sau sẽ rơi vào đường ác.’
- “ Khi mình thấy kẻ khác thành tựu, mình cần phải vui vẻ hoan hỷ, lập chí học theo gương ấy. Khi thấy kẻ khác gặp khổ nạn, mình phải cần sinh lòng thương xót bi mẫn, tìm cách giúp đỡ.
- “ Đức tin cần phải có trí huệ. Chẳng nên ai nói gì cũng gật đầu làm theo, khiến tâm trí bị mê loạn. Rồi do mê mờ nên mới sinh ra ưu lo, sợ hãi. Một khi hiểu rõ chân lý, thì mình sẽ không có gì quái ngại.

(còn tiếp)



Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng Tuyên Hóa thuyết giảng tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(tiếp theo)

Vậy là nghĩa của hai chữ kim cang đã được lược giảng. Bây giờ giảng tới bát nhã.

Thế nào là **bát-nhã**? ‘Trúc biếc hoa vàng, không có gì là không bát nhã,’ nghĩa là cành trúc xanh hay bông hoa vàng, cái gì cũng là bát nhã. Chữ *bát nhã* nguyên là tiếng Phạn, danh từ này được xếp vào loại có ý nghĩa hàm súc, nên không phiên dịch sang tiếng Trung-hoa, vì nếu dịch thì chỉ dịch được một ý và bỏ mất những ý nghĩa khác. Đây là loại ‘*đa hàm bất phiên*,’ một trong những loại từ chỉ được ký âm mà không dịch nghĩa.

Kinh Bát Nhã có bao nhiêu bộ? Nguyên có tám bộ, nhưng phân tích kỹ lưỡng thì kinh được chia thành 10 bộ.

Thứ nhất là *Kinh Đại Bát-nhã*, có sáu trăm quyển. Về kinh này, chúng ta đã chẳng nói qua rồi sao? Trong thời gian Ngài Huyền-Trang phiên dịch kinh đó, hoa đào trở bông sáu lần trong một năm.

Hai, *Kinh Phóng Quang Bát-nhã*, có 30 quyển, nói về Phật phóng quang khi thuyết bát nhã.

Ba, *Kinh Ma-ha Bát-nhã*, có 30 quyển. Ma-ha nghĩa là ‘đại’, nhưng không cùng một danh xưng

với kinh Đại Bát-nhã.

Bốn, *Kinh Quang Tán Bát-nhã*, có nghĩa là Phật phóng quang khi tán thán bát nhã.

Năm, *Kinh Đạo Hạnh Bát-nhã*.

Sáu, *Tiểu Phẩm Bát-nhã*. Mỗi bộ, Quang Tán, Đạo Hạnh và Tiểu Phẩm đều gồm có 10 quyển. Tổng cộng, tính từ bộ kinh thứ nhất thì gồm 690 quyển. Bảy, *Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã*, gồm 7 quyển.

Tám, *Kinh Nhân Vương Bát-nhã*, tức *Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã*, gồm 2 quyển.

Chín, *Thực Tướng Bát-nhã*, chỉ có 1 quyển.

Mười, *Kinh Văn-thù Bát-nhã*, cũng chỉ có 1 quyển. Tổng cộng toàn bộ là 701 quyển.

Phật nói kinh Bát-nhã tại 4 địa điểm, trong 16 lần pháp hội. Địa điểm thứ nhất là tại núi Linh-thứ, thành Vương Xá, phía đông-bắc thành Thất-la-phiệt; Phật nói cả thảy là bảy lần. Địa điểm thứ nhì, tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây của thái tử Kỳ-đà, Phật cũng thuyết bảy hội. Địa điểm thứ ba tại trời Tha Hóa Tự Tại, ở cung điện Ma-ni bảo tạng, Phật thuyết một hội. Nơi thứ tư là tại vườn Trúc Lâm, bên hồ Bách Lộc (vườn nai), Phật cũng chỉ thuyết một hội.

Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật này là quyển thứ 577 trong sáu trăm quyển thuộc bộ Đại Bát-nhã do Phật thuyết nơi vườn Cấp-cô-độc, tức địa điểm thứ hai trong kỳ pháp hội thứ ba. Đó là tóm tắt lai lịch của kinh này.

Bát-nhã có ba thứ: văn tự bát nhã, quán chiếu bát nhã và thực tướng bát nhã.

Bát nhã được dịch thành chữ trí huệ. Tuy nhiên, dịch như vậy chỉ được một ý mà không lột hết tất cả các nghĩa của nó.

Do văn tự bát-nhã mà ta khởi quán chiếu bát-nhã; do quán chiếu bát-nhã nên đạt tới thực tướng bát-nhã. Thế nào là văn tự bát nhã? Đó là văn tự trong kinh, nếu mình không có trí huệ quán chiếu thì kinh chỉ toàn là chữ, đọc đi đọc lại chẳng sao hiểu được. Nếu không hiểu thì không có bát nhã; không có bát-nhã thì không sanh trí huệ. Xưa nay, trí huệ này ai ai cũng có, chỉ vì bấy lâu mình không chăm sóc nên nó không xuất hiện. Bởi vậy, thiếu trí huệ quán chiếu, thì không có quán chiếu bát-nhã; do đó sẽ chẳng biết định thực tướng bát-nhã. Điều cần là phải có quán chiếu bát-nhã mới có thể tới được mục đích tức là thực tướng bát-nhã. Đó là sơ lược về ý nghĩa của bát-nhã.

Về **ba-la-mật**, có người nói chữ đó nghĩa là *ngọt như trái khóm (pineapple)**. Không sai! Ba-la-mật là ngọt. Chúng ta nếm vị ba-la-mật thì thấy ngọt thật! Song ba-la-mật này chẳng phải chỉ ngọt một cách đơn thuần, mà là thứ *ngọt ở trong vị ngọt*. Vì sao vậy? Vì nó làm ta lìa khổ được vui. Ba-la-mật, hay paramita, là tiếng Ấn-độ. Ở Ấn-độ, hề có việc gì tốt đẹp nhất đều gọi là paramita. Nếu dịch sang tiếng Hoa thì thành ra từ *‘đáo bỉ ngạn’* (tới bờ bên kia). ‘Đáo bỉ ngạn’ nghĩa là gì? Như mình hiện ở thành phố San Francisco mà muốn tới thành phố Berkeley thì phải đi xe qua cầu, hoặc dùng thuyền qua sông, mới tới được bờ bên kia. Tới được thì gọi là ‘ba-la-mật’ hay ‘đáo bỉ ngạn.’ Như học hết tiểu học, đậu bằng tốt nghiệp, đó là ba-la-mật. Học hết trung học, có chứng chỉ tốt nghiệp, cũng là ba-la-mật. Rồi lên đại học, học xong, cũng là ba-la-mật. Sau đó học nữa, đến thạc-sĩ, bác sĩ, học xong từng giai đoạn một, đều gọi là ba-la-mật.

Bây giờ chúng ta đương ở đâu mà hướng tới ‘đáo bỉ ngạn’ đây? Chúng ta đương ở bờ sinh tử, cố lộ qua giòng thác phiền não để tới được bờ niết bàn, đó gọi là ba-la-mật. Nói tới ba-la-mật, thì cái gì cũng có thể là ba-la-mật. Như hiện nay, chúng ta chưa khai ngộ, mới bắt đầu ngồi thiền. Tới khi khai ngộ, thì đó là ba-la-mật. Nói tóm lại phạm làm công việc gì mà tới được thành công viên mãn, đều có thể gọi là ba-la-mật. Chúng ta tu học Phật pháp, lúc đầu rất khó lãnh hội, do đó một số đông mới nghe qua một lần, thấy khó hiểu, liền mất hứng thú và không trở lại nữa. Người tu học Phật pháp, trước hết phải có căn lành, còn phải nhẫn nại, và xem Phật pháp hết sức trọng yếu, vượt trên mọi sự. Khi không hiểu thấu điều gì, thì nhất định phải tìm cách nghe pháp, đọc kinh để được thấu đáo; giống như người đói bụng, cần

tìm quán ăn là việc cần thiết nhất. Phải có lòng vui thích nghe kinh như vậy. Khi nghe xong kinh cũng gọi là ba-la-mật.

* Đây là cách chơi chữ. Ba-la-mật tiếng Quan thoại phát âm là *bwo lwo mi*, không khác với phát âm của chữ *bwo lwo* nghĩa là trái khóm (pineapple) và *mi* nghĩa là mật (honey). Bwo lwo mi (ngọt như khóm) và paramita thì đồng âm nhưng dị nghĩa.

(còn tiếp)

Vấn Đáp (tiếp theo từ trang 19)

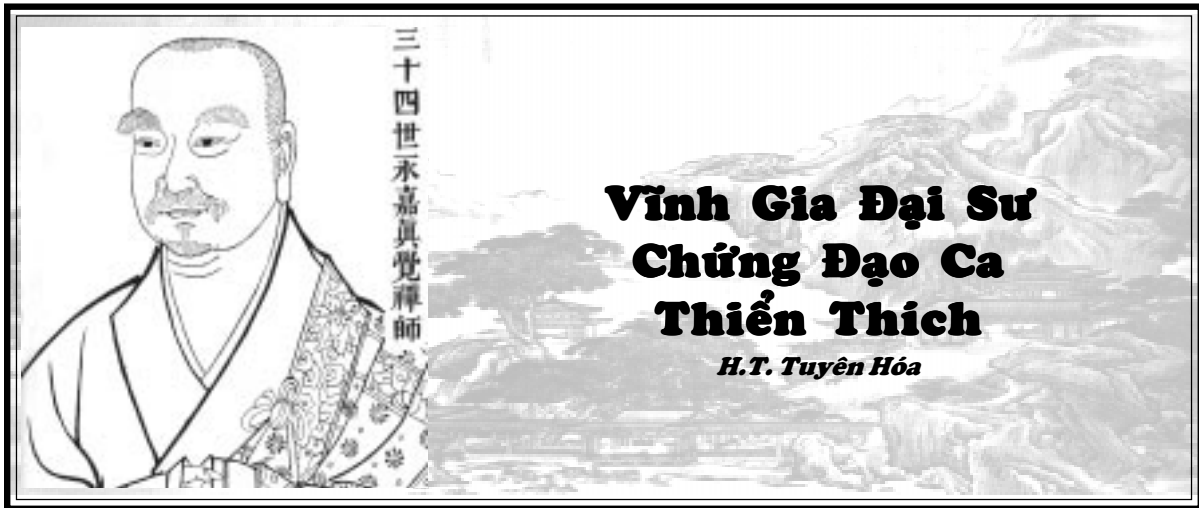
bố thí và buông xả lúc sống, người chết sẽ rất dễ dàng khởi lên tâm đối đãi (tức giận, đấu tranh), và do đó sẽ khiến thân thức tương ưng với cảnh hắc ám, thấp kém của cõi hạ giới. Đây là còn đường đọa lạc. Song le nếu người ấy lúc sống có ý nguyện bố thí thân mình, thì do việc bố thí cơ phận sau khi chết, họ sẽ hoạch định công đức tăng ích cho việc đầu thai vào cõi tốt sau này.

2. Đối với người tu hành: Những ai tu trì nghiêm mật, thường hành bố thí, có thể biết được ngày giờ chết, hoặc biết được mình sẽ vãng sinh thế giới Cực Lạc, hay biết được Phật Bồ tát tới rước đi lúc chết, hoặc thường nhập định, thì khi vừa nhắm mắt, chỉ trong sát na, họ đã thoát ra khỏi mọi cảnh, tự tại siêu thoát về Cực Lạc. Lúc ấy thì việc bố thí cơ phận là chuyện tất nhiên; tâm họ chẳng bị ảnh hưởng, quái ngại bởi bất kỳ việc gì tác động lên thân thể lúc bấy giờ. Song cũng có kẻ tu hành luôn biết bố thí, xả thân, hy sinh, quên mình, chẳng trước ngũ dục, chẳng nặng tình sắc, tâm tánh thường định, nhưng chẳng thể dự tri cái chết. Nếu lúc sống họ có phát nguyện bố thí cơ phận, thì khi chết, nhờ tập quán tu hành tốt xưa kia, thân trung ấm sẽ chẳng mê mờ tức giận, mà ngược lại tiếp tục duy trì tập quán tu hành, và do đó khiến tâm tương ưng với cảnh thiện, rồi vãng sinh về chốn lành.

Nói tóm lại, với những ai phát tâm hiến cơ phận sau khi chết, thì lúc sống mình nên chân thật tu hành, chuẩn bị tâm linh và thể xác. Việc chuẩn bị ấy có thể tóm tắt như sau:

1. Phát nguyện bố thí cơ phận.
2. Thường hành bố thí tiền tài, đồ vật, của cải, nhất là những món mà ta yêu thích ái chuộng, trừ tận lòng bòn xén.
3. Thường bỏ thời gian, sức lực để giúp người, giúp đời, trừ tận tánh ích kỷ.
4. Nhìn suốt rồi buông bỏ năm thứ dục vọng về tiền tài, danh sắc, danh vọng, ăn uống, và hưởng thụ.
5. Tập tánh nhẫn nhục, trừ thói giận dữ, ác độc thù hận.
6. Chuyên tu một pháp môn cho tinh thực, đạt đến chỗ tâm an, tánh định, thời thời tự tại.

(Bồ Đề Hải)



(tiếp theo)

*Quân bất kiến,
Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân
Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân
Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Huyền hóa không thân thị pháp thân.*

Dịch :

*Anh thấy chăng ?
Dứt học, vô vi, nhàn đạo nhân,
Không trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân ?
Tánh thực vô minh là Phật tánh,
Thân chẳng huyền hóa tức pháp thân.*

Quân bất kiến: Chữ *quân* chỉ người đối thoại, một lối xưng hô lịch sự, cũng giống như chữ tiên sinh, Trương tiên sinh, Lý tiên sinh. *Bất kiến* nghĩa là anh có thấy hay không ? Đây là một lời ước hỏi. Thấy hay không thấy chuyện gì đây?

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân: Tuyệt học có nghĩa là vô học, tức đạt tới quả vị vô học. Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, và A Na Hàm đều là những quả vị hữu học, tức còn phải tu học. Quả vị thứ tư là A-la-hán, mới là quả vị vô học.

Tuyệt nghĩa là đoạn tuyệt, dứt bỏ con đường học tập. Vì sao dứt bỏ ? Vì đã chứng được trí huệ vô vi, không làm song chẳng có gì không làm. Trông bên ngoài thì người đó không có chuyện gì làm cả, nhưng thực ra ở bên trong ngài đang chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sanh. Chẳng qua ngài không chấp trước vào hình tướng, không

muốn lưu vết tích khiến người hay biết, không muốn người ca tụng mình. *Nhàn đạo nhân:* Vì trông bề ngoài thanh nhàn, vô sự, tự tại như nhiên như kẻ chẳng vướng bận việc gì. *Nhàn:* Là nhàn nhã; tuy ngài nhàn nhã, nhưng là bậc đạt đạo. *Đạo:* ngài đã đạt đạo, chẳng phải đang tu đạo. Ngài đắc đạo gì? Đắc pháp môn tâm ấn của chư Phật; pháp môn mà lớn đến độ chẳng gì lớn hơn, nhỏ chẳng gì nhỏ bằng. Vì vậy ngài mới tự tại. *Nhàn đạo nhân* hàm ý vừa tự tại, vừa vui sướng, gồm đủ hai nghĩa bình an và tịch tĩnh. Nhìn ngài ta thấy ngài dường như vô sự, chẳng vội vàng áy náy, cũng chẳng ưu tư phiền não. Lúc nào cũng khoan thai, ung dung, phiêu nhiên tự tại, thật là :

*Đạo thông thiên địa, hữu hình ngoại
Tư nhập phong vân, biến thái trung.*

Dịch là:

*Đạo thông trời đất, hiện ra mặt,
Trí nhập mây gió, tỏa hành vi.*

Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại, chính là nghĩa của "lớn đến độ chẳng gì ngoài nó." *Tư nhập phong vân biến thái trung,* chính là nghĩa của "nhỏ đến độ không gì nhỏ hơn." Cảnh giới này chẳng phải là chỗ mình, những kẻ phạm phu tục tử có thể thấu đạt. Đó là cảnh giới của bậc *nhàn đạo nhân*. Ý nghĩa này cũng có thể nói lên như sau :

*Vạn vật tinh quán giai tự đắc
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng.*

Vạn vật tinh quán giai tự đắc: Nghĩa là ngài nhìn

vạn vật rõ ràng, chẳng gì không thấu suốt, cũng chẳng cần suy nghĩ mới hiểu. *Tứ thời giai hức dĩ nhân đồng*: nghĩa là trong suốt bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, ngài hòa điệu với mọi người, chẳng chút khác biệt; do đó ngài là *nhân đạo nhân*.

Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân : Bởi một khi ngài đắc đạo, thì còn đâu vọng tưởng để tiêu trừ, cũng sao có cái chân để chứng đắc. Vọng hết, chân hiện, do đó khỏi phải trừ diệt vọng tưởng, chớ không phải còn vọng tưởng mà không chịu khử trừ. Chẳng có chân để cầu chứng đắc, bởi đã chứng đắc tới chỗ cực điểm rồi, nên chẳng còn phải mong cầu cái chân.

Vô minh thực tánh tức Phật tánh : Trước khi chứng đạo thì ngài cũng như mọi người, cũng vô minh, đầy phiền não, nhưng nay thì ngài đã hiển lộ Phật tánh, trở về gốc nguồn, bỏ mê về giác, dứt tuyệt vấn đề căn bản sanh tử. Tánh chân thật của vô minh cũng chính là Phật tánh vậy.

Huyễn hóa không thân thị pháp thân : Trước thì thân thể này là hư huyền, nay thì chứng đắc được lý thể của pháp thân.

*Pháp thân giác liễu vô nhất vật,
Bốn nguyên tự tánh thiên chân Phật.
Ngũ uẩn phù vân không khứ lai,
Tam độc thủy bào hư xuất một.*

Dịch :

*Pháp thân giác rời không một vật
Bốn nguồn tự tánh thiên chân Phật.
Năm uẩn: mây trôi, chẳng đến đi,
Ba độc: bọt bào, giả còn mất.*

Pháp thân giác liễu vô nhất vật: Pháp thân là gì? Đó là tướng chân thật, song vô hình, vô tướng. *Giác* nghĩa là sáng tỏ. *Vô nhất vật*, vì ngài chẳng chấp trước gì cả. Chẳng có cảnh giới nào làm ngài mê muội, nên nói một vật cũng chẳng có.

Bốn nguyên tự tánh thiên chân Phật : Vị này đã chứng được cảnh giới nào? Đã đạt được trình độ nào? Chính là đạt được căn bản, nguồn gốc, tức là Phật tánh. Vì vậy, bốn nguyên tự tánh chính là Phật tánh có sẵn trong ta. *Thiên chân Phật*, là chỉ Phật bản hữu sẵn có. Do đó, ngài mới là bậc nhân đạo nhân, dứt học và vô vi.

Ngũ uẩn phù vân không khứ lai: Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, còn gọi là ngũ cái, hay ngũ ấm. Tại sao gọi là ngũ uẩn? Uẩn là tích chứa lại. Tại sao gọi là ngũ cái? Bởi vì nó che khuất tự tánh không để cho tự tánh hiển lộ sáng sủa (chữ cái nghĩa là che lấp). Tại sao gọi là ngũ ấm? Bởi nó thuộc âm, có tính cách ẩn sâu, dấu kín. Sắc là chỉ tất cả những gì có hình; thọ, tức là thọ lãnh; tưởng, nghĩa là suy tưởng; hành, có nghĩa là niệm niệm nối tiếp không ngưng nghỉ, niệm niệm lưu hành; thức, nghĩa là phân biệt, nhận thức rõ. Năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức này, cái nào cũng che lấp tự tánh của chúng ta, và ánh sáng tự tánh bị che, do đó trí huệ của chúng ta cũng bị lu mờ. Năm loại uẩn đó thật là lợi hại vô cùng, cho nên trong tám loại khổ thì có một khổ thuộc về ngũ ấm (ngũ ấm xí thịnh khổ). Người ta ví nó như ngọn lửa, thiêu đốt con người, đốt chết cả tự tánh. Tuy nhiên, thể tánh của nó là hư huyền, cho nên nói *ngũ ấm phù vân không khứ lai*, tức như mây nổi, bay qua bay lại trên không trung, chẳng có thể chất thực.

Ví như năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen chẳng hạn. Chúng chỉ là những màu sắc mà không có thực thể, chúng phải dựa vào vật chất để hiện ra từng màu, còn chính chúng chẳng có gì là thực. Nói cho rõ hơn, ý niệm sắc - trong ngũ uẩn - tự thể là những vi trần, tức là những hạt bụi nhỏ kết hợp lại mà thành. Biết bao nhiêu bụi nhỏ đó tụ tập lại mới có thể hiện ra thành hình tướng để chúng ta trông thấy! Nếu những hạt bụi mà đứng riêng rẽ, chúng ta nhận ra chúng chẳng phải là điều dễ dàng. Năm màu cùng tụ tập lại, ta thấy được rõ ràng là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; nhưng nếu riêng biệt từng màu một, ta sẽ không thấy rõ; chỉ một màu vàng, to cỡ bằng hạt bụi, ta không nhận ra, các màu khác như đỏ, trắng, đen, đứng riêng biệt thì cũng như vậy. Ngược lại nếu chúng tụ hội với nhau, chúng sẽ hiển hiện rõ; ngũ uẩn cũng đồng một ý nghĩa như vậy.

Thọ, nghĩa là lãnh thọ; bởi có sắc nên mới có sự lãnh thọ; có lãnh thọ, nên mới có tưởng; tưởng, thì mang ý nghĩa nhanh chóng, ví như con ngựa chạy lung tung, vọng tưởng thì đi cùng khắp thiên địa; hành có nghĩa là hành động, là di chuyển; thức, chính là sự phân biệt. Cả năm uẩn này đều chẳng có thực thể, bên trong chẳng có gì là chân thực. Cho nên ngũ uẩn có thể ví như đám mây nổi trôi trên bầu trời, như màn sương, phút chốc

(xin xem tiếp trang 12)

Năm lá thơ của Diêm Vương

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Có một người nọ, lúc chết gặp Diêm Vương. Khi gặp Diêm Vương, ông ta biện hộ với Diêm Vương rằng: Diêm Vương thật bất công.

Ông nói với Diêm Vương rằng, “Ngài chẳng biết nhân tình thế thái! Ngài bắt tôi xuống gặp Ngài nhưng chẳng gởi thiệp thông báo trước. Nếu Ngài cho biết trước thì tôi có cơ hội để chuẩn bị. Ngài chẳng đánh điện tín, cũng chẳng gởi thơ, hay điện thoại mà ngang nhiên bắt tôi đến đây. Thật là Ngài không biết điều!”

Diêm Vương bảo ông ta rằng: “Ta đã gởi người mấy lá thơ mà người chẳng biết đó thôi.”

Ông ta đáp: “Tôi có nhận một lá thơ nào của ngài đâu?”

Diêm Vương nói: “Lá thơ đầu tiên ta gởi là việc đưa con người lảng giềng chết khi mới sinh. Người đã già từng này tuổi, đáng lý khi thấy đứa nhỏ chết yểu, người phải tỉnh ngộ mà lo tu hành chứ.”

Ông ấy đáp: “Ô! đấy là thơ đầu tiên! Vậy lá thơ thứ nhì thì thế nào?”

Diêm Vương nói rằng: “Lá thơ thứ nhì? Cặp mắt của người. Chẳng phải mắt người mờ đi, không còn thấy rõ nữa sao?”

Ông ta đáp: “Đúng vậy!”

Diêm Vương nói: “Đó là lá thơ thứ nhì.”

Ông ta hỏi: “Còn lá thơ thứ ba?”

Diêm Vương đáp: “Có lúc tai người bị lãng phải không?”

Ông ta nói: “Đúng vậy!”

Diêm Vương nói: “Đó là thơ thứ ba.”

Ông ta hỏi: “Còn thơ thứ tư?”

Diêm Vương đáp: “Thơ thứ tư là lúc răng người rụng.”

Ông ta nói: “Thế sao? Đó là thơ thứ tư sao? Tôi không đọc được một chữ. Thật tôi không biết ngụ ý những lá thơ của ngài.”

Diêm Vương nói: “Người còn gì để nói nữa thôi?”

Ông suy nghĩ một hồi: Thật đúng là việc đứa bé chết ngay sau khi ra đời là để cho mình thức tỉnh. Và thật sự là mình răng rụng, mắt mờ, tai lãng. Tất cả đều là những thông điệp cho mình.

Ông bèn hỏi tiếp: “Còn lá thơ cuối cùng?”

Diêm Vương bảo: “Trong lá thơ cuối, người xem tóc người có bạc không.”

Ông ta nói: “Đúng rồi! Đó là lá thơ cuối sao?”

Ông ta không còn gì để nói nữa.

Diêm Vương phán rằng: “Lúc xưa người đã ăn thịt quá nhiều, vậy nay người phải đầu thai làm con heo (để trả nợ).”

Thế là, ông ta đầu thai làm một con heo. Bao giờ ông sẽ được tái sinh làm người? Không ai biết được.

Thông Báo

Vạn Phật Thánh Thành

A Di Đà Thất & Thiên Thất: Vạn Phật Thành sẽ tổ chức bảy ngày Di Đà Thất từ chủ nhật ngày 14 đến thứ bảy ngày 20 tháng 12. Lễ vía Đức Di Đà cử hành vào chủ nhật, 14/12.

Thiên thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 21 tháng 12 năm 1997 đến ngày 12 tháng 1 năm 1998. Xin liên lạc Vạn Phật Thành để biết thêm chi tiết.

Tu Viện Long Beach

Đại Bi Thất: Tu viện Long Beach sẽ tổ chức ba ngày huấn luyện và tu tập Chú Đại Bi từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 11. Bất quan trai giới sẽ được truyền vào ngày khai thất, 28/11/1997.

A Di Đà Thất: Tu Viện Long Beach sẽ dành bảy ngày chuyên tu trì niệm hồng danh đức Di Đà, từ ngày 27 tháng 12, 1997 tới mùng 2 tháng giêng, 1998. Đây là cơ hội để các bạn đồng tu chuyên tâm dụng công, tạm bỏ mọi vướng bận trần lụy trong suốt năm. Mọi thất tổ chức ở Tu Viện đều miễn phí. Về chi tiết báo danh và trú ngụ, xin liên lạc với tu viện.

Lớp Phật pháp chuyên đề: Trong tháng này, lớp sẽ học tới phẩm thứ mười của Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Bồ Tát Ván Minh, (bằng Việt ngữ) vào mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 10 giờ.

Lớp Thảo Luận: Về Phật pháp sơ cấp bằng Anh Ngữ, mỗi thứ Tư.

(English Buddhist class: Introduction to Buddhism, every Wednesday, starting Oct.29,1997).

Lớp Nghiên Cứu: Tiếp tục tìm hiểu về Thọ Ám Ma trong Ngũ Thập Ám Ma của Kinh Lăng Nghiêm. Giảng bằng tiếng Anh và Hoa, mỗi thứ bảy từ 7 tới 9 giờ tối.

Lớp Tịnh tọa: Sáng chủ nhật từ 8 đến 11 giờ.

Từ 9 giờ tới 10 giờ sẽ có lớp dành riêng cho những người sơ cấp, mới bắt đầu tập tịnh tọa.

Kim Thánh Tụng San Jose (408) 923-7243

Tụng Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn và thuyết pháp (bằng Việt ngữ) lúc 2 giờ chiều thứ bảy 1 tháng 11, và tiếp tục vào mỗi hai tuần sau đó (vào ngày 15, ngày 29...). Xin liên lạc với Sư Cô Hằng Bình (415) 421-6117 và Sư Cô Hằng Ưu (916) 374-8268 nếu muốn thêm chi tiết.

Saturdays, 9:00 - 11:00 AM: Lecture on the Shurangama Sutra by bhikshu Heng Bin.

Sundays, 9:00 - 11:00 AM: Lecture on the Lotus Sutra by bhikshus Heng Sure & Heng Yuen.

Chùa Kim Sơn (415) 421-6117

Lớp cho học sinh từ 5 đến 12 tuổi bao gồm thiền tập và luân lý đạo đức (virtue studies) và Hoa ngữ vào mỗi thứ bảy từ 8:30 đến 12:30PM. Các em sẽ dùng cơm trưa tại chùa. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về chùa ở số phone trên.

Tụng kinh Địa Tạng (tiếng Việt) vào mỗi chủ nhật giữa tháng.

Tụng kinh Địa Tạng (tiếng Anh) vào mỗi chủ nhật cuối tháng.

Lạy Lương Hoàng Sám từ ngày 23 đến 30/11.

Chùa Berkeley (510) 848-3440

Wednesdays: Lớp Thiền tập (Cha'n Meditation Class) từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 30 tối do Thầy Hằng Thật và Steve Tainer hướng dẫn.

Thursdays: Hướng dẫn hành Thiền Minh Sát Tuệ (Vipassana Meditation Group) từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 30 tối do James Baraz phụ trách.

Saturdays, 7:30 - 9:30PM: giảng Kinh Pháp Bảo Đàn (Lecture on the Sixth Patriarch's Platform Scripture by Bhikshu Heng Sure). Và từ **6:00 - 9:00PM là Lớp Việt ngữ, Hoa ngữ và Luân lý Đạo Đức (Virtue Studies) dành cho trẻ em.** Phụ huynh có thể dự buổi giảng kinh Pháp Bảo Đàn trong lúc con em dự những lớp trên.



Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại chùa Kim Sơn San Francisco từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1969.

(tiếp theo)

Tên Chung: Kinh

Kinh được gọi là “Khế Kinh.” Sao gọi là khế? Khế là khế hợp. Trên thì Kinh khế hợp với lý màu của chư Phật và dưới thì khế hợp cơ duyên giáo hóa chúng sanh.

Trong phần giảng luận Kinh A Di Đà này, tôi sẽ thảo luận năm ý nghĩa của Kinh:

1. Pháp bản: Kinh là gốc mọi pháp. Đức Phật thông đạt cội nguồn mọi pháp nên Ngài thuyết giáo. Do vậy giáo là căn bản của pháp. Ngài dùng bốn tất-đàn (tứ tất-đàn) để diễn đạt căn bản của pháp. Tất nghĩa là phổ biến, đến khắp; Đàn nghĩa là bố thí. Tất-đàn nghĩa là bố thí đến khắp chúng sanh.

- a. Thế gian tất-đàn: Bố thí pháp thế gian.
- b. Đối trị tất-đàn: Đối trị, sửa đổi lỗi lầm của chúng sanh.
- c. Vị nhân tất-đàn: Vì chúng sinh mà thuyết pháp.
- d. Đệ nhất nghĩa tất-đàn: ban truyền giáo lý rốt ráo (đệ nhất nghĩa) cho chúng sanh.

Nói cho cùng, thì Pháp không thể diễn bày; nhưng vì hành Bốn Loại Bố Thí Pháp ghi trên nên Đức Phật có thể diễn đạt pháp. Vì vậy, chữ Kinh có

nghĩa là Căn Bản Pháp.

2. Vi Tế Pháp: Nếu các giáo lý thâm diệu nhiệm màu không được Kinh làm sáng tỏ, không ai có thể hiểu được các pháp ấy.

3. Suối Trào: Những giáo lý từ các Kinh bản tuôn trào ra như nước suối.

4. Đường chuẩn: Để vạch một đường chuẩn, thợ mộc và thợ nề dùng sợi dây dính mực đen, căng ra rồi búng xuống, làm thành một đường thẳng. Một Kinh bản giống như vậy và cũng tương tự như com-pa và thước vuông, dùng để hướng dẫn người.

5. Một vòng hoa kết: Giáo lý được liên kết với nhau trong Kinh như hoa kết thành vòng.

Kinh cũng có thêm bốn nghĩa dưới đây:

1. Quán xuyên hay xuyên kết lại với nhau: Bao nhiêu ý nghĩa chủ yếu Phật dạy được xuyên kết lại trong kinh.
2. Nhiếp trì: Kinh vẫn nhiếp trì những chúng sanh nào cần được giáo hoá.
3. Phương pháp: Kinh là phương pháp mà từ xưa tới nay người người đã dùng nó để tu hành.
4. Thường còn: Kinh thì mãi mãi thường còn

và không thay đổi; không thể thêm hay bớt một chữ trong Kinh. Kinh là thứ mà ngay cả thiên ma ngoại đạo cũng không sao phá hoại được.

Kinh còn có nghĩa là một con đường. Thí dụ các bạn muốn đi Nữu Ước nhưng không biết đường, các bạn có thể đi về hướng Tây thay vì về hướng Đông. Các bạn có thể đi suốt đời cũng không đến Nữu Ước. Tu hành cũng như vậy, nếu chẳng biết đường, các bạn có thể tu mãi mà không thành Phật.

Kinh cũng là điển tịch, kinh sách, cẩm nang tiêu chuẩn để dựa vào mà tu hành. Có Kinh giải thích pháp thế gian. Kinh cũng có thể là một bộ đại tự điển, trong đó các bạn có thể tìm thấy bất luận học thuyết, chủ nghĩa nào.

Kinh cũng là cái khí cần yếu để làm ta sống. Thiếu khí ấy, ta sẽ gần kề với cái chết. Do đó có thể ví Kinh như là không khí; học hỏi kinh điển tức là hít thở không khí đó vậy. Không ai có thể sống tách rời với không khí.

Có bạn hỏi: Con không học Phật pháp hay học kinh gì cả, phải chăng con không thể hít thở được cái khí này?

Nên biết, không khí thường có trong hư không, bạn học hay chẳng học Phật Pháp, khí ấy vẫn tồn tại. Người người tiếp xúc, hỗ tương trao đổi khí ấy. Kẻ học Phật pháp thì hít thở khí tươi mát, khiến cho kẻ khác cũng chịu ảnh hưởng tốt một cách gián tiếp.

Kinh cũng là thức ăn tinh thần. Khi các bạn buồn phiền, chán nản, mà đọc Kinh thì tinh thần của bạn sẽ trở lại thoải mái, tiêu tan mọi u sầu, tâm tình cởi mở, thông đạt vô ngại.

Kinh là tên gọi chung. A Di Đà là tên riêng của Kinh, mà không có kinh nào khác có. Kinh là di sản của Phật để lại, tuy có vô lượng vô số bộ Kinh với nhiều tên khác nhau, song nếu xét về cách đặt tên thì chẳng ngoài bảy cách đặt tên.

(còn tiếp)

Chứng Đạo Ca (tiếp theo từ trang 8)

tụ lại, phút chốc tan đi, tụ lại thì thành hình, tan đi thì mất dạng, tụ lại thời có, tan đi thời không, ở trong hư không tự do qua lại, muốn nắm bắt lấy cũng không bắt được.

Tam độc thủy bào hư xuất một: Tam độc là tham, sân, si. Ba thứ này gọi là độc, vì chúng đầu độc chúng ta, khiến cho huệ mạng pháp thân bị hôn mê bất tỉnh.

Tham, là lòng tham, lòng tham vô đáy, rất khó hàng phục, nhất là tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Hãy nghĩ lại coi, nếu anh không tham tài, thì lại tham sắc; anh chẳng tham sắc, thì lại tham danh; Nếu tài, sắc, danh chẳng tham, thì lại vướng phải tánh tham ăn, thích ăn cho ngon; ăn chẳng ham nhưng bỏ ngủ thì chẳng được. Kẻ ham ngủ thì khi ngủ chẳng còn ham thứ gì khác. Giả thử tặng cho y cả triệu đồng, bảo y tỉnh dậy, y vẫn không tin. Có sao vậy? Y đương trong cơn mê ngủ! Chẳng phải sự thật, nên y lại ngủ nữa. Bất luận chuyện gì xảy ra cũng không lay nổi người ngủ say. Người tu Phật không nên ngủ nhiều. Thí dụ như bảo tới đạo tràng để lễ Phật, thì lại nói rằng tôi ngủ chưa đủ giấc; bảo lên khóa tụng buổi sáng, thì lại nói mắt tôi không mở được, làm sao có thể tụng kinh? Vậy là ham ngủ, bỏ ngủ không nổi, đó chính là tham.

Sân, do lòng tham ngủ dục không toại nguyện mà sanh ra, hoặc bị người khác tranh của mình mà sanh tâm tức giận.

Si, như người có tâm sân hận, không có gì là không dám làm, nên hành động một cách ngu si. Bởi lý do đó nên tham, sân, si gọi là ba độc.

Ba yếu tố này đã đầu độc huệ mạng pháp thân khiến chúng ta không được giác ngộ. Tuy nhiên, dầu ba độc lợi hại như vậy, chúng cũng chỉ là những bọt nổi trên mặt nước, tự sanh ra rồi tự diệt, nếu chúng ta không để cho chúng lôi cuốn theo, chúng cũng không có cách gì để hại ta được. Chúng chỉ là bọt nước, hiện ra thành hình mà không có thực chất, cũng giống như mây mù che lấp, bởi vậy mới nói ba độc giống như bọt nước hư huyền, khi còn khi mất, sanh ra rồi diệt.

(còn tiếp)



SƠ LƯỢC VỀ PHẬT GIÁO

Ban Giảng Huấn Trường Trung Học Bồi Đức, Vạn Phật Thành

(tiếp theo)

Chương Ba

CON ĐƯỜNG CHẤM DỨT KHỔ ĐAU: HÀNH PHÁP

Nguyện thứ ba trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện của Bồ Tát: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

*Tự tại dùng pháp môn vô lượng
Điều phục chúng sanh trong mười phương
Thoát vòng khổ đau khôn kể xiết
Bồ tát vô chấp, vô phân biệt.*

*(Kinh Hoa Nghiêm,
Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm)*

Nguyện thứ ba tương ứng với Diệt Đế: Con đường dẫn đến sự diệt khổ.

Này các tỳ kheo! Diệu Đế, con đường dẫn đến sự diệt khổ là gì? Con đường ấy chỉ là Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định. Con đường ấy phải được hành trì.

(Pháp môn hay là phương pháp hành trì của Bồ Tát là Lục Độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ.)

(Kinh Chuyển Pháp Luân)

Từ ngữ “Pháp” có nghĩa là giáo lý Đức Phật dạy.

Như đã nói trước, Pháp đúng theo nguyên văn chỉ những luật lệ hay chân lý chi phối thực tại. Trong Phật giáo, Pháp liên quan đến những phương pháp hành trì mà Phật đã từ bi đặt ra để dẫn dắt chúng sanh ra khỏi rừng rậm vô minh của họ để thấy được ánh sáng của thật tánh. Pháp cung ứng một sự phân tách thâm sâu vấn đề khổ đau, đồng thời cung ứng vừa một kiến giải siêu việt khổ đau (giác ngộ), vừa một số những phương pháp mà chúng ta thực sự cần để thực hiện giác ngộ.

Nói một cách đơn giản, Pháp là:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo*

Dịch là:

*Tránh các điều dữ
Làm những việc lành
Thanh tịnh tâm ý
Đó là lời chư Phật dạy.*

(Kinh Pháp Cú)

Pháp hành quan yếu gồm có **giới, định, và huệ**.

Do giới sanh định, do định sanh huệ.

(Kinh Lăng Nghiêm)

GIỚI:

Không có một căn bản vững vàng về đạo đức thì không thể phát triển công phu thiền tập và đắc định để phát huệ. Phật đã chế ra ngũ giới như là những đức tính căn bản cho đời sống con người. Ngũ giới, tinh hoa của việc tu tâm, gồm có:

1. Không giết hại: Chúng ta không được cố ý giết hại bất cứ sinh vật nào bằng cách tự mình giết, bảo người giết, tham gia việc giết hay ưng thuận việc giết. Người tu có thể tránh sự giết gián tiếp bằng cách chỉ ăn những thức ăn chay. Lòng từ bi, sự kính trọng sự sống, và suy nghĩ rằng mình là một với tất cả sinh vật là những lý do giữ giới này.

2. Không trộm cắp: Ta không được lấy bất cứ cái gì không cho ta và không phải là của ta. Giới này không những được áp dụng cho những vật đắt tiền như vàng bạc, mà ngay cả đến những vật nhỏ như cây kim ngọn cỏ. Giới này được giải thích như là sống một cách cần kiệm và không phung phí tài nguyên.

3. Không tà dâm: Có quan hệ xác thịt với bất cứ ai không phải là vợ của mình đều gọi là tà dâm. Tà dâm hay loạn dâm tỉ như đồng tình luyến ái, dâm dật với súc vật, là những nhân dẫn đến sự tái sinh trong những cảnh giới khổ đau.

4. Không nói dối: Có bốn loại vọng ngữ: nói dối, nói lời vô bổ (như bàn chuyện thị phi, nói lời chọc tức), nói lời độc ác (như mắng nhiếc thậm tệ người khác), và nói lưỡi đôi chiều (để gây chia rẽ nơi người khác).

5. Không uống rượu và dùng các chất say. Rượu, ma túy, chất kích thích và ngay cả thuốc lá đều được coi là những chất say. Những thứ này làm hại thân thể, làm cho tâm u mê điên đảo, và là nhân của sự tái sinh như là những người đần độn.

Bây giờ ta sẽ mô tả các quy tắc về giới hạnh mà một người tại gia cần phải theo nếu người này muốn trở thành một đệ tử tốt. Tuy nhiên, cần biết rằng muốn làm tròn bốn phận của một tỳ kheo, người xuất gia không nên có phong thái như một người tại gia.

Người này không được giết hại, bảo người

khác giết, hay ưng thuận sự giết. Người này phải tự chế, không được áp bức tất cả sinh vật trên thế gian, dù mạnh, dù yếu.

Vì đệ tử biết rằng vật ấy thuộc về kẻ khác, người này tránh việc trộm cắp dù ở đâu. Người này không được trộm cắp, hay bảo người khác trộm cắp. Tất cả sự trộm cắp đều phải tránh.

Kẻ khôn ngoan phải tránh sự gian dâm như là tránh một hố lửa đang cháy. Nếu người ấy không thể sống độc thân, thì y không được mơ tưởng đến vợ người khác.

Tại một chỗ đông người hay tại một nơi công cộng, người này không được nói dối với người khác. Người này không được bảo người khác nói dối hay ưng thuận sự nói dối.

Biết rằng những chất say làm cho mình mất khả năng tự chế, người tại gia thích tự chế không dùng chất say, không được bảo người khác dùng, hay ưng thuận việc người khác dùng chất say.

(Kinh Dammika)

Giới là nền tảng của sự giác ngộ.

*(Phẩm Bồ Tát Vấn Minh
Kinh Hoa Nghiêm)*

Sự tự trọng (nhất là sự trân quý cái tự tánh của mình) và sự tôn trọng kẻ khác là gốc của giới luật Phật giáo. Hai đức tính này được phát triển từ mối quan hệ căn bản đầu tiên của con người: đó là quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Đức từ bi, quảng đại và tha thứ cũng như sự tự trọng được nảy mầm và vun xén từ mối tương quan này. Vì vậy, trong Kinh Phạm Võng, Đức Phật đã dạy:

Hiếu thuận là một pháp của đạo tối thượng. Hiếu thuận cũng được hiểu như là giới luật. Đức này cũng được gọi là giá giới.

Đạo căn bản làm người là tôn kính cha mẹ. Phật cho rằng hiếu đạo là một đức tính tối thiết cho đời sống đạo đức.

Này các tỳ kheo! Có hai người mà các thầy không bao giờ báo đền đủ ân đức: Đó là cha và mẹ của các thầy. Dầu cho

các thầy có mang cha mẹ lên vai, mẹ trên vai này và cha trên vai kia trong suốt một trăm năm, và trong lúc ấy cha mẹ phóng uế trên vai các thầy; rồi các thầy phải rửa ráy, xoa dầu, tắm rửa, rồi xoa bóp cho cha mẹ, ngần ấy công việc cũng vẫn chưa đủ để báo đáp.

Ví thử các thầy có thể tôn cha mẹ lên ngôi vị tột đỉnh làm thế chủ trên quả đất này, làm cho các vị có đủ thất bảo (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xà cừ, mã não), từng ấy cũng chưa đủ để đền đáp ơn sâu của cha mẹ các thầy. Tại sao vậy? Này các tỳ kheo! Cha mẹ cúng tận tụy cho các con. Các vị nuôi dưỡng, và diu dắt con cái trên thế gian này.

(Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Và trong đoạn dưới đây của Kinh Phụ Mẫu Trọng Ân Nan Báo, Phật đã mô tả một cách vô cùng cảm động những điều cha mẹ làm cho con cái:

Trong mười tháng (âm lịch) mẹ mang thai, mỗi lần đứng dậy, mẹ cảm thấy khó chịu tựa như phải mang một vật nặng. Như một người tàn tật kinh niên, mẹ nuốt miếng cơm, uống ngụm nước không vô. Khi mười tháng qua đi và thời kỳ sinh nở tới, mẹ chịu nhiều đau đớn để cho con được sinh nở vuông tròn. Trong lúc lâm bồn, mẹ sợ mình chết đi không sinh con được tựa như một con lợn hay một con cừu đang chờ chết tại nhà tế sinh. Rồi thì máu tuôn ra đầy mặt đất...Đó là những đau đớn mà mẹ chịu.

Khi bé đã sinh, mẹ dành ngọt bùi cho con và nuốt những đắng cay. Mẹ bồng con, cho con bú, giặt rửa những cái dơ bẩn của con. Vì con, không có khó khăn nào, không có nặng nhọc nào mà mẹ từ nan. Mẹ chịu lạnh buốt xương, nóng cháy thịt mà chẳng hề than vãn. Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn. Trong ba năm dài, mẹ nuôi con bằng sữa mẹ, từ trong máu mẹ mà ra.

Cha mẹ tận tâm giáo dục và diu dắt con cái trên đường lễ nghĩa đạo đức từ khi con còn thơ cho đến lúc trưởng thành. Rồi thì cha mẹ lo cưới hỏi cho con, từ

mẫn ban cho những đồ vật quý giá nhất cũng như những lời khuyên để con tạo cho mình một cuộc sống sung túc. Tất cả những công lao này được làm cho con với nhiệt tình thương mến mà không bao giờ cần kể ơn.

Khi con bị đau ốm, cha mẹ lo lắng và sợ hãi như chính mình đau ốm. Sẵn sóc con bên giường bệnh không rời một phút giây, cha mẹ chỉ yên lòng và nụ cười chỉ nở lại trên môi khi con lành mạnh. Như thế đó, cha mẹ trân quý và nuôi nấng con thơ với hy vọng rằng con sẽ khôn lớn và trở thành những người hữu dụng.

Đọc xong đoạn văn trên, có lẽ chúng ta bắt đầu nhận thức được công ơn thâm trọng của cha mẹ mà ta phải báo đền. Cũng trong Kinh nói trên, Phật đã gợi ý vài điều cho chúng ta đền đáp ơn cha nghĩa mẹ:

Này các người con Phật! Nếu các người muốn báo đáp ơn cha mẹ, hãy nhân danh cha mẹ mà chép lại kinh này! Hãy nhân danh cha mẹ mà tụng đọc kinh này! Hãy vì cha mẹ mà cúng dường Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Hãy vì cha mẹ mà trì giới tịnh thực (ăn chay). Hãy vì cha mẹ mà hành pháp bố thí và tu phước đức. Nếu các người có thể làm những điều này, các người là những người con hiếu thảo.

Trong Kinh Sigalaka Sutra, Phật dạy cư sĩ Sigalaka làm thế nào để sống thiện lương và hạnh phúc. Phật đã tóm lược những bổn phận và trách nhiệm mà con phải làm để đền đáp công ơn cha mẹ, ơn thầy, ơn bạn, ơn vợ chồng, ơn những người lao tác, và ơn những nhà tu hành. Đoạn dưới đây là lời dạy về bạn tốt và cách quản lý tài sản cá nhân.

Đây là một người bạn hay giúp đỡ mình, kia là một người bạn khi nghèo hèn cũng như lúc giàu sang, này là một người bạn chỉ con đường chính, nọ là một người bạn tình thân thắm thiết: một kẻ khôn ngoan biết rõ giá trị của bốn loại bạn trên và trân quý họ như một người mẹ trân quý đứa con thương yêu nhất.

(tiếp theo trang 18)



Chương VI: Hạnh Xuất Gia

6. Đạo Cao Một Tấc, Ma Cao Một Thước

- “ Nghiệp ác mình tạo ra từ nhiều kiếp thì cao ngất như núi. Đời này, khi mình đi tu, những ác nghiệp ấy có thể xuất hiện. Do đó, có lúc mình cảm thấy cái nghiệp sau khi xuất gia lại nhiều hơn lúc còn tại gia. Bấy giờ, mình cần có sức lực mạnh mẽ để vượt qua. Nếu mình không hàng phục được phiền não, lại khởi tâm động niệm, thì sẽ tạo thêm nghiệp mới!
- “ Xuất gia tu hành là việc không tầm thường.
- “ Việc xuất gia thì nhiều lắm. Khi những kẻ oán, thân, chủ nợ (ở kiếp trước) đến đòi nợ, thì mình sanh bệnh hoặc gặp đủ thứ chuyện rắc rối kéo tới. Nếu mình chẳng vượt qua được thì không cách gì an lòng tu Đạo đặng. Do đó, khi bạn bệnh khổ, hãy tự khuyến khích, sách tấn chính mình. Lạy Phật, niệm Phật nhiều hơn thì nghiệp chướng sẽ tiêu tan.
- “ Kẻ tại gia nhìn (sinh hoạt người tu) nhưng không hiểu, nên cho là người tu khổ sở lắm. Đối với kẻ có Đạo-tâm không kiên cố, thì y coi đời tu như là cuộc sống ở địa ngục trần gian; y luôn cảm thấy việc gì cũng không tốt và không tự tại, lại sanh phiền não nhiều. Có nhiều vị tuy Đạo-tâm kiên cố hơn, song do

hạt giống xấu gieo trồng từ nhiều kiếp trước, nên tuy nghe Sư-phụ giảng dạy mà không để vào lòng gì cả. Ảnh hưởng của trần gian thế tục đối với họ thì còn nặng nề, sâu đậm lắm.

- “ Ở chùa mình, các bạn còn thấy người tới từ mọi nơi: nào là tướng mạo thế này, hình sắc thế kia... đủ cả. Những Tăng, Ni trẻ tuổi thì ý niệm về tình cảm yêu đương còn nặng nề lắm. Khi thấy những cặp trai gái đến, nếu các vị bị cảnh tượng ấy làm tâm dao động, rồi sanh lòng ước muốn, ưa thích, thì các vị sẽ dứt mất Đạo-tâm (tâm tu hành). Nếu các vị nhận định tâm trạng ưa thích của mình là tội lỗi, thì mới có Đạo-tâm.
- “ Kẻ xuất gia trẻ tuổi thời nay thật rất nguy hiểm. Họ rất dễ bị ngoại cảnh làm thay đổi chí hướng. Những kẻ nửa đời xuất gia (tức là đã kết hôn rồi), thì đã nếm hết mùi đời, nên đối với ngoại cảnh, họ có phần nào tự chủ hơn. Song le, nếu người trẻ tuổi xuất gia mà chịu tu hành đàng hoàng, thì trí huệ sẽ khai mở, rất dễ thành tựu.

Số sau:

Chương vii: Xuất Gia và Tại Gia



Phương Pháp Tu Tập Để Tâm Ý Được Nhu Hòa và Nhẫn Nại

Người tu càng chuyên chú vào đạo thì đạo hạnh mỗi ngày một sáng chói. Tâm càng hướng nội phản chiếu thì tánh càng ngày càng hóa. Do đó tu đạo mà thiếu công phu hàm dưỡng thì khó giữ đạo, tánh định, phát huệ. Cốt tủy của sự dưỡng đạo ấy nằm ở nơi chữ thăng bằng, nhu nhẫn. Theo Kinh Hoa Nghiêm, có mười thái độ mà chư Bồ tát thường hun đúc, hàm dưỡng để tâm ý thăng bằng, lòng trở nên nhu hoà, nhẫn nại. Đó là:

1. Không xả tâm bồ đề: Tâm chí lúc nào cũng hướng về đạo, chẳng vướng vào đời. Dù ở trong đời, cũng không chạy theo danh, lợi, quyền, thế, hưởng thụ. Do đó đạo phong tự nhiên cao thượng, tự tại.
2. **Xa rời thái độ và quan niệm nhỏ hẹp, hạn chế của hàng nhị thừa:** tức là thái độ tu giải thoát cho chính mình, không lập đại nguyện, không thấy đường tu là vô tận và không thấy nhiệm vụ của mình đối với chúng sinh. Khi có quan niệm nhỏ hẹp hạn chế, người tu sẽ dễ tự gò bó, tự áp lực, tự đóng khung, rồi sinh ra phiền não, rối nhiễu thân tâm.
3. **Thường quan sát để làm ích cho chúng sinh:** Chuyện gì cũng nghĩ tới chúng sinh trước. Phải sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của kẻ khác, phải nghĩ đến lợi ích kẻ khác trước khi nghĩ đến mình. Ý nghĩ tha thứ là căn bản làm tâm nhu nhuyễn, hòa dịu.
4. **Thường làm chúng sinh an trụ nơi Phật pháp:** Tức là làm cho họ hiểu được chân lý đạo Phật hiển hiện trong đời sống hàng ngày. Khi thiếu chân lý sâu sắc để chỉ đạo và hiển bày thực chất của cuộc sống, mình sẽ khó đạt tới điểm thăng bằng trong tâm linh.
5. **Thường tu những hạnh mà chư Bồ Tát**

làm: Tức là thường suy nghĩ xem giả sử chư Bồ Tát đối diện với những khó khăn tương tự như mình gặp, thì các ngài sẽ nghĩ gì và làm gì để khắc phục nó? Các ngài làm sao tu lục độ trong đời sống hàng ngày? Do suy nghĩ theo chư thánh hiền mình sẽ vượt ra ngoài những cảnh giới điên đảo bế tắc do suy nghĩ, tà kiến và phiền não của mình tạo ra. Nhờ vậy, lòng sẽ trở nên nhu hòa, sáng suốt.

6. **Không có thái độ sở đắc đối với việc tu hành cũng như đối với mọi chuyện trên đời:** tức là không nghĩ rằng mình tu hành thì phải đạt tới cái gì, đắc cái gì. Do đó không tự tạo áp lực với chính mình. Tâm sẽ thư thái tự tại tu hành, và nhờ đó trở nên nhu hoà, cân bằng.
7. **Khi có công đức hay căn lành gì thì mình đều hồi hướng cho chúng sinh hết.**
8. **Không chấp trước vào bất kỳ thân tướng nào của chư Phật cả:** Làm tất cả những công hạnh như lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, thừa sự cúng dường, song mình không cầu cạnh, chấp trước vào thân tướng của Phật. Càng bớt chấp trước thì tâm càng bớt mong cầu; ít cầu thì thêm tự tại.
9. **Thường tư duy về mọi pháp, mọi sự để xa rời mọi sự thủ trước chấp chặt:** Tư duy là nhìn theo chân lý, nghĩ theo lời Phật dạy. Có chân lý chiếu soi thì mình mới thấy suốt chân tướng vạn sự; có thấy suốt thì mới hết chấp trước đặng.
10. **Thường giữ gìn các giới luật:** như ngũ giới, thập giới, bồ tát giới. Hễ phá giới thì tu gì cũng vô hiệu quả. Giữ giới và tu đức từ bi là hai việc làm không thể tách rời đặng. Do vậy, người tại gia, mới phát tâm học Phật, cần thiết nhất phải ăn chay để thể hiện lòng từ bi. Không

trường chay nhưng mong đắc định, đắc đạo, hay vãng sinh Cực Lạc là chuyện tuyệt đối không thể có.

Kinh Bảo Vân và Kinh Vô Lượng Thọ cũng dạy về những cách nhu nhĩ như sau:

1. **Nội nhĩ:** Khi gặp những thứ làm đau đớn thân xác hay bức bách tâm trí thì mình không sinh phiền não, bực bội.
2. **Ngoại nhĩ:** Khi đối diện với những hoàn cảnh khổ não bên ngoài, mình không sinh lòng sân nhuế giận dữ.
3. **Pháp nhĩ:** Khi nghe nói tới kinh điển sâu xa vi diệu, lòng không sợ hãi, mà lại tinh tấn siêng năng đọc tụng chúng.
4. **Tùy Phật giáo nhĩ:** Khi tâm vừa móng khởi mảy lòng giận dữ hay phiền não thì lập tức tư duy suy nghĩ rằng: Thân ta do đâu mà an trụ? Mọi sự (pháp tướng) do đâu mà khởi dậy? Quan sát như vậy sẽ chẳng thấy gốc của lòng sân hận, chẳng thấy nó từ đâu sinh ra, duyên khởi nên có, do đó chấm dứt lòng giận dữ thịnh nộ.
5. **Vô phương sở nhĩ:** Ở mọi thời điểm, mọi nơi chốn, lúc nào cũng giữ tâm thái thẳng bằng, hàm dưỡng một sự mềm mại nhu hòa.
6. **Tu xứ xứ nhĩ:** Hay còn gọi là bình đẳng nhĩ; tức là chẳng cần biết thân hay sơ, cao hay thấp, bạn hay thù, ai ai mình cũng đem lòng bình đẳng mà nhĩ thọ mọi chuyện.
7. **Phi sở vi nhĩ:** Nghĩa là lòng nhĩ nại chẳng phải do một nhân duyên nào đó sinh ra, cũng chẳng vì lý do sợ sệt, hay vì lý do muốn thi ân, hay muốn thuận theo tình hình, hay vì hổ thẹn. Tức là cách tu tập sự nhĩ nại chẳng phải vì do một áp lực nào bên ngoài thúc đẩy.
8. **Bất bức não nhĩ:** Hay còn gọi là vô nhuế nhĩ, tức là khi gặp nghịch cảnh phải chịu khuất, chịu nhục, mình vẫn nhĩ thọ đặng.
9. **Bi tâm nhĩ:** Khi bị chúng sinh hủy nhục, chửi bới, làm xúc phạm triền nhiều, nhưng lòng mình vẫn không tức giận. Ngược lại mình cần khởi lòng từ bi, thương xót, phát

nguyện độ họ.

10. **Thệ nguyện nhĩ:** Hay thành tựu thệ nguyện nhĩ; chư Bồ tát nhớ lại rằng: khi xưa mới tu mình từng phát nguyện cứu độ chúng sinh; ngày nay nếu mình sinh lòng tức giận nào hại chúng sinh thì chẳng những không thể độ chính mình, mà lại chẳng đem lợi ích gì cho chúng sinh. Bồ tát tư duy như vậy nên không khởi lòng sân nhuế mà cam thọ nhĩ nhĩ.

Bồ Đề Hải

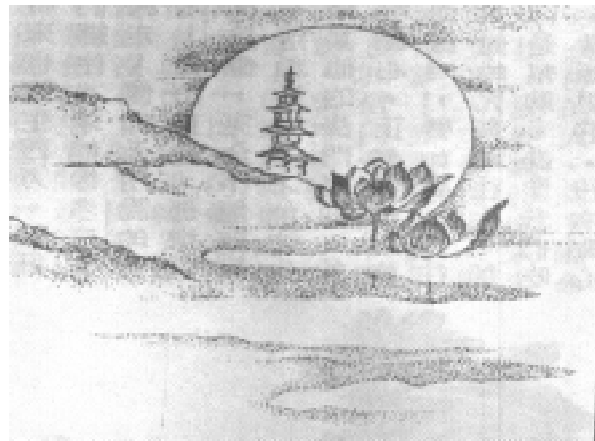
Sơ Lược về Phật Giáo

(tiếp theo từ trang 15)

Người trí được giáo dục và kỷ luật rèn đức thì người ấy sáng ngời như một ngọn hải đăng; ông ta vì cần mẫn lương thiện mà làm giàu như ong lấy mật hay kiến xây tổ. Với của cải mồ hôi nước mắt, ông ta làm lợi cho người. Người ta nên chia của cải mình làm ra thành bốn phần: Một phần có thể sử dụng để hưởng thụ theo cách mình muốn. Hai phần có thể dùng để đầu tư và một phần dành ra như là dự trữ cho những lúc cần thiết.

Đối với một cư sĩ, một tỳ kheo hay một tỳ kheo ni, giới là nền móng thiết yếu cho mọi sự hiểu biết và kinh nghiệm tâm linh chân thật. Mặc dầu các giới điều khác nhau giữa những người xuất gia và cư sĩ, giữa nam và nữ tu sĩ, mục đích cần đạt và tinh thần cần vun bồi đều giống nhau: Đó là sự nuôi dưỡng những đức tính khiến cho định lực nảy nở và trí huệ phát huy.

(còn tiếp)





Vấn Đáp

Bồ Thí Cơ Phận
(Organ Donations)

Hỏi: Bồ thí và từ bi là hạnh của Phật tử. Kinh Phật có nói đến công đức của bồ thí từ tài vật đến thân thể, trước khi đến pháp thí. Trong báo Los Angeles Times có đăng bài khuyến khích chương trình Organ Donation (bồ thí cơ phận trong thân thể sau khi chết). Thầy nghĩ có nên phổ biến chương trình này cho các Phật tử không?

Minh Hà

Đáp: Thưa bác, đúng vậy, hạnh bồ thí và lòng từ bi là cốt tủy của đạo Phật. Trong kinh điển đại thừa, sự bồ thí được đặc biệt nhấn mạnh. Lúc đức Thích Ca Mâu Ni còn ở nhân địa tu hạnh bồ tát, đời nào Ngài cũng xả bỏ thân mạng mình để cúng dường chúng sinh và để cầu đạo vô thượng. Kinh mô tả ngài lóc thịt nuôi ưng, móc mắt cứu người, xả thân cứu bầy hổ v.v.. (xin xem Jataka Tales). Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Hạnh có đoạn như sau:

Giả sử trong mỗi một niệm có vô lượng vô số chúng sinh tới chỗ đức bồ tát mà bạch rằng: Nhân giả! Chúng tôi là những kẻ thiếu thốn, không chút tư tài, nghèo đói yếu ớt khốn khổ, mạng yếu sắp chết. Xin nguyện rủ lòng từ mẫn bồ thí thân thịt của ngài để chúng tôi nhờ nó mà sống. Bây giờ bồ tát lập tức bồ thí cho họ, khiến họ lòng được sung sướng, mãn túc.

Do vậy chuyện bồ thí thân thể hay cơ phận của thân là việc không trái với lý đạo, bởi vì đây là hạnh bồ tát. Trên thực tế, mình phải xem đây là **một công hạnh, một phương pháp tu hành** chứ không phải chỉ đơn thuần là một hành động tốt, lợi ích kẻ khác. Để hiểu rõ tình huống hơn, ta có thể chia việc hiến cơ phận thành hai loại:

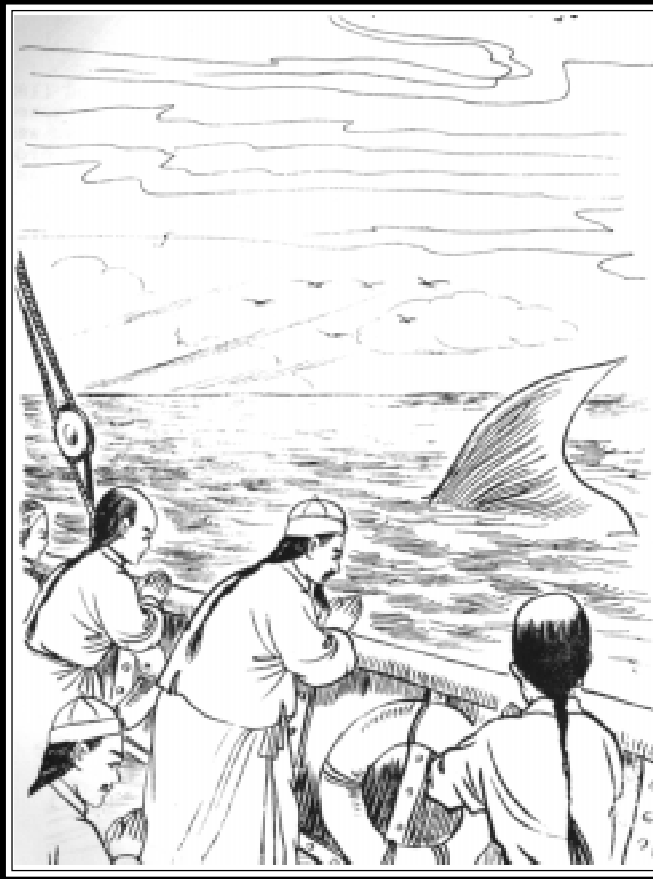
1. **HIẾN CƠ PHẬN LÚC CÒN SỐNG:** Đây là một pháp môn của đạo bồ tát. Nếu có khả năng bồ thí, bạn hãy tận lực bồ thí. Chúng ta hãy theo dõi tư tưởng của bồ tát khi ngài đối diện với hoàn cảnh phải hiến dâng thân thể để giúp kẻ khác như sau:

Vô lượng trăm ngàn chúng sinh như thế tới cầu xin ngài thân thể. Bồ tát đối với họ chẳng hề chán nản, thối chí, ngược lại ngài càng tăng trưởng lòng từ bi. Càng thấy họ tới xin, ngài càng thêm vui mừng, và suy nghĩ như vậy: Tôi được thiện lợi! Những chúng sinh này là ruộng phước của tôi. Họ là những người bạn lành, tôi chẳng cầu thỉnh mà họ tự động tới dạy, làm tôi thâm nhập vào trong Phật pháp. Vì thế tôi phải tùy duyên tu học, chẳng nên làm ngược nguyện vọng chúng sinh. Ngài lại suy nghĩ như vậy: Nguyện xin tất cả những thiện căn mà tôi đã tạo ra, đang tạo ra hay sẽ tạo ra khiến tôi, trong đời vị lai, ở bất kỳ thế giới nào, cũng đặng thọ sinh với thân to lớn. Rồi dùng thân thể ấy, xin làm no đủ tất cả những chúng sinh đói khát khốn khổ. Nếu chỉ có một chúng sinh chưa được no đủ, tôi nguyện không xả mạng này.

2. **HIẾN CƠ PHẬN SAU KHI CHẾT:** Sau khi chết mỗi người chúng ta sẽ xả bỏ thân xác này và sẽ hiện hữu trong trạng thái gọi là thân trung ấm. Trong cảnh giới trung ấm, mình chẳng thể suy nghĩ như thường ngày óc não suy nghĩ. Những tập quán, thói quen đã từng tích tập lúc còn sống (tham lam, giận dữ, đố kỵ, dâm dục..) sẽ điều khiển mình. Có hai trường hợp:

1. Đối với người không tu hành, hoặc không chân tu: Khi sống mà ta có tánh ích kỷ bòn sẻn, chẳng bồ thí, chẳng hy sinh, chấp trước vào thân thể, thì khi chết khó có thể bồ thí. Thường thường việc bồ thí cơ phận phải được tiến hành tức khắc (trong vòng tám giờ sau khi chết), tức là trong khoảng thời gian mà thần thức của kẻ chết vẫn còn tri giác về điều kiện của thể xác. Lúc ấy do vì chẳng tập tánh

(tiếp theo trang 6)



Hòa Thượng Hư Vân Họa Truyện

7. Cá Voi Đến Châu Thuyền Pháp

Tháng hai, niên hiệu Hàm Phong thứ nhất (1851), phụ thân Ngài có việc phải đến Đài Loan, Ngài cũng đi theo. Khi thuyền nhỏ lướt ra biển cả mênh mông thì bỗng gặp một con cá voi khổng lồ, to như núi, nằm chắn trước thuyền. Mọi người trên thuyền đều kinh hãi, đồng thanh niệm Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Một lát sau, chỉ còn thấy thấp thoáng đuôi cá từ từ khuất dần xuống biển.

Hoà Thượng Tuyên Hóa có bài kệ rằng:

*Thiên Long cung kính bất vi hi,
Cự kinh triều bá diệc bình thường,
Ngu giả vô tri xưng vi quái,
Trí giả hữu nhân cùng pháp nguyên.*

Dịch là:

*Thiên Long cung kính chẳng làm vui,
Cá voi châu lạy, chuyện cũng thường,
Kẻ ngu chẳng rõ, cho rằng lạ,
Người trí sáng mắt, tận pháp nguồn.*

Dharma Realm Buddhist Association *
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803 - USA
e-Mail: BoDeHai@AOL.com

Non-Profit Org.
US POSTAGE
PAID
Long Beach, CA
Permit No.432

To : _____

* Bồ Đề Hải phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Long Beach Monastery. Chi phiếu ủng hộ ấn tống, xin đề:
DRBA/Bồ Đề Hải Newsletter.